

**CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-THPĐ ngày 05/05/2023 của Trường tiểu học Phú Định)*

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| 1          | Lệ phí                                             |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>88.200.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>88.200.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>88.200.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 88.200.000        |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                   |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |                   |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |                   |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |



| Số TT      | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 5.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 7.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                 |                   |



| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 3.2   | Dự án B                                          |                   |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 4.1   | Dự án A                                          |                   |
| 4.2   | Dự án B                                          |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 5.1   | Dự án A                                          |                   |
| 2.2   | Dự án B                                          |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 6.1   | Dự án A                                          |                   |
| 6.2   | Dự án B                                          |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 7.1   | Dự án A                                          |                   |
| 7.2   | Dự án B                                          |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 8.1   | Dự án A                                          |                   |
| 8.2   | Dự án B                                          |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 9.1   | Dự án A                                          |                   |
| 9.2   | Dự án B                                          |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| 10.1  | Dự án A                                          |                   |
| 10.2  | Dự án B                                          |                   |

Ngày 05 tháng 05 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



*Thiện Phước*

